



Tuần 18 (26-29/4/2021)
BSC WEEKLY REVIEW
Tiếp tục tích lũy đón KQKD Quý 1



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tiếp tục tích lũy đón KQKD Quý 1*
2. PTKT VN-INDEX: *Trạng thái đi ngang được duy trì*
3. TIN VĨ MÔ: *NHNN kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro*
4. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU: *KDH MSN*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *Hiệu suất khuyến nghị chưa đóng vị thế đạt 1.12%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ_5.84%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Khối ngoại bán ròng ở hầu hết các nước khu vực.*
8. CẬP NHẬT I-BROKER: *DCM2021Q2*
10. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tiếp tục tích lũy đón KQKD Quý 1

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1248.53	0.79%
GTGD/phiên (tỷ VND)	18,812.46	-2.44%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1076.69	
HNX-INDEX	283.63	-3.23%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2777.91	-13.21%
Khối ngoại (tỷ VND)	-27.80	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4180.17	1.09%	-0.13%	6.92%
EU (EURO STOXX)	4013.34	-0.04%	-0.49%	4.72%
China (SHCOMP)	3474.17	0.26%	1.39%	3.29%
Japan (NIKKEI)	29020.63	-0.57%	-2.23%	-0.53%
Korea (KOSPI)	3186.10	0.27%	-0.39%	4.77%
Singapore (STI)	3194.04	0.20%	-0.24%	1.67%
Thailand (SET)	1553.59	-0.93%	0.30%	-0.82%
Phillipines (PCOMP)	6378.07	-0.58%	-1.80%	-1.06%
Malaysia (KLCI)	1608.43	0.04%	0.00%	0.44%
Indonesia (JCI)	6016.86	0.38%	-1.14%	-1.73%
Vietnam (VNIndex)	1248.53	1.69%	0.79%	7.35%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2105	1296.70	-0.36%	31857.6	29548.5
VN30F2106	1294.90	-0.50%	110.1	598.5
VN30F2109	1295.00	-0.49%	19.1	235.3
VN30F2112	1284.00	-1.34%	8.8	62.8

TTCK VIỆT NAM

Thị trường đang lưỡng lự trong quá trình xác lập xu hướng ngắn hạn.

Dù cho đã có hai phiên giao dịch trước nghỉ lễ tích cực và thiết lập mức đỉnh lịch sử mới, VN-Index bất ngờ giảm mạnh vào phiên 22/4. Mặc dù vậy, chỉ số đã nhanh chóng có phiên tăng trở lại vào 23/4. Thị trường kết thúc tuần với 4/19 ngành tăng điểm và 110 cổ phiếu tăng so với 281 cổ phiếu giảm. Còn khá sớm để khẳng định nhịp điều chỉnh đã kết thúc dù vậy thanh khoản đang có chiều hướng giảm dần và lực cầu ở vùng giá thấp vẫn rất tốt nên có thể thị trường sẽ sớm hình thành vùng cân bằng trước khi tiếp tục đà tăng trong trung hạn. Các quỹ ETFs nội sẽ thực hiện cơ cấu danh mục và hoàn tất vào ngày 29/4 (tham khảo phụ lục trang 13-14). Bên cạnh đó, 25% công ty niêm yết trên HSX và HNX đã công bố KQKD quý I với mức tăng trưởng LNST 71% cùng kỳ. Tính đến 23/4, 190 công ty đã công bố KQKD quý I với tổng mức LNST đạt 20,828 tỷ, tăng 71% cùng kỳ. Số công ty báo lỗ quý I chiếm tỷ lệ 14% trong khi 69% công ty có tăng trưởng lợi nhuận dương. 11/19 Ngân hàng công bố lợi nhuận đóng góp 51.9% LNST tăng thêm của thị trường và đạt mức tăng trưởng 50.2% yoy. Các công ty niêm yết sẽ tập trung công bố thông tin vào tuần sau. Chúng tôi dự báo mức tăng trưởng LNST toàn thị trường ở mức 50%. Với mức tăng trưởng LNST quý I như dự báo, P/E VN-Index sẽ từ mức 18.9 lần ngày 23/4 sẽ giảm về mức 17 - 17.5 lần. Mức P/E tương đương với mức bình quân 5 năm và có thể hỗ trợ thị trường ổn định sau nhịp biến động lớn tuần qua.

TTCK THẾ GIỚI

ECB không thay đổi chính sách tiền tệ nói lỏng, FED có thể nêu quan điểm mới về kinh tế và thị trường tiền tệ khi số liệu vĩ mô khá tích cực.

ECB vẫn tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nói lỏng giữ lãi suất cơ bản ở mức âm 0.5% và tiếp tục mua nợ của khu vực đồng euro theo chương trình mua trái phiếu khẩn cấp 1.85 nghìn tỷ euro, tương đương 2.2 nghìn tỷ USD, cho đến ít nhất là tháng 3 năm 2022. Sự trỗi dậy của đại dịch ở châu Âu và việc triển khai vắc-xin chậm chạp đã khiến các doanh nghiệp đóng cửa trên khắp các vùng của Châu lục, tạo ra sự khác biệt với nền kinh tế Hoa Kỳ, vốn đang được hưởng lợi từ khoản chi tiêu lớn của chính phủ và tốc độ tiêm chủng Covid-19 nhanh hơn. Sự chênh lệch về hồi phục kinh tế cũng như chính sách tiền tệ dự kiến sẽ tạo mức chênh lệch khá lớn về lãi suất và giá trị tiền tệ giữa hai khối kinh tế này. Trong tuần tới, FED sẽ họp về chính sách tiền tệ vào ngày 27-28/04. Cuộc họp này có thể có thay đổi về kế hoạch thu lại một số chương trình kích thích kinh tế của FED khi các chỉ số kinh tế đang ở mức lạc quan.

Thị trường chứng khoán Hoa Kỳ kết thúc tuần với các chỉ số gần đi ngang so với tuần trước. Mặc dù đã có phiên giảm mạnh trong tuần những dữ liệu Flash PMI tích cực về khu vực dịch vụ đã khiến thị trường nhanh chóng hồi phục lại. Các thị trường chứng khoán khác trên thế giới cũng không có biến động mạnh trong tuần. Chỉ số Dollar Index có mức giảm nhẹ 0.3% khiến giá nhóm hàng hóa nguyên liệu tăng trở lại. Điều này thể hiện rõ nhất ở chỉ số BCOM Index với mức tăng +1.9 nhờ sự đóng góp đến từ nhóm đồng, quặng sắt và kẽm.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



PTKT VN-INDEX: *Trạng thái đi ngang được duy trì*

Đồ thị tuần: VNIndex có tuần đi ngang thứ ba liên tiếp nhưng biên độ dao động tiếp tục được mở rộng. Chỉ số đang có khuynh hướng tích lũy trong ngắn hạn sau khi thị trường thiết lập mức đỉnh lịch sử mới. ADX tăng nhẹ về quanh giá trị 23.5 đồng thời các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang ở trong trạng thái tương đối tích cực. Đường MACD hiện đang ở sát đường tín hiệu. Ngưỡng hỗ trợ của chỉ số trong trung hạn là tại khu vực xung quanh 1155 điểm, tương ứng với giá trị hiện tại của SMA20.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- VNIndex đang ở ngay trên ngưỡng hỗ trợ tại SMA20.
- Thanh khoản thị trường có chiều hướng giảm dần.

Nhận định: VNIndex vẫn ở trong xu hướng tăng dài hạn tuy nhiên tiềm năng sẽ duy trì nhịp tích lũy trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, việc thanh khoản đang có chiều hướng giảm tại những phiên giảm điểm cho thấy rủi ro đang không quá cao. Theo đánh giá hiện tại thì VNIndex trong tuần tiếp theo nhiều khả năng sẽ vận động trong khu vực 1215-1265. Bên cạnh đó, việc các nhà đầu tư trong nước tiếp tục mở mới tài khoản với số lượng lớn cũng như lượng tiền mặt chờ cơ hội mua đang khá dồi dào nên kỳ vọng hồi phục sớm của thị trường là tương đối khả quan.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *NHNN kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro*

VIỆT NAM:

- Thủ tướng ban hành Công điện số 541/CT-TTg ngày 23/4/2021 về tăng cường thực hiện phòng, chống dịch Covid-19.
- Chính phủ ban hành Nghị định 52 gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và tiền thuê đất trong năm 2021.
- Theo NHNN, đến 16/4, tín dụng nền kinh tế tăng 3,34% so với cuối năm 2020, tổng phương tiện thanh toán M2 tăng 2,9% so với cuối năm 2020. NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2021 khoảng 12%.
- Bộ KH&ĐT dự thảo đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021-2030, mục tiêu đến năm 2030, phần đầu cả nước có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc, trong đó đến năm 2025, hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông.
- Bộ Công Thương ban hành Quyết định 1282/QĐ-BCT, áp dụng biện pháp chống bán phá giá nhôm với mức thuế chống bán phá giá từ 4.39% - 35.58%, đối với 18 nhà sản xuất, xuất khẩu Trung Quốc.
- Theo NHNN, ước tính cuối tháng 3/2021, dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực BĐS đạt khoảng 1,85 triệu tỉ đồng, tăng 3% so với tháng 12/2020
- Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức 6%-6.3% trong năm 2021.

THẾ GIỚI:

- Theo IHS, PMI hỗn hợp của Mỹ đạt 62.2 điểm trong tháng 4, sau khi đạt 59.7 điểm trong tháng 3. PMI sản xuất đạt 60.6 điểm trong tháng 4, sau khi đạt 59.1 điểm trong tháng 3. PMI dịch vụ đạt 63.1 điểm trong tháng 4, sau khi đạt 60.4 điểm trong tháng 3. PMI hỗn hợp của Châu Âu đạt 53.7 điểm trong tháng 4, sau khi đạt 53.2 điểm trong tháng 3. PMI sản xuất đạt 63.3 điểm trong tháng 3, sau khi đạt 62.5 điểm trong tháng 2. PMI dịch vụ đạt 50.3 điểm trong tháng 4, sau khi đạt 49.6 điểm trong tháng 3.
- Đơn xin trợ cấp lần đầu tại Mỹ giảm còn 547 nghìn trong tuần kết thúc hôm 17/4, từ mức 586 nghìn trong tuần liền trước.
- Tổng thống Joe Biden định hướng tăng thuế thu nhập cá nhân tại khung cao nhất lên 39.6% từ 37%. Thặng dư vốn cũng có thể chịu 39.6% đối với cá nhân có thu nhập trên 1 triệu USD/năm. Thặng dư vốn đối với người có thu nhập cao khả năng tăng lên 43.4% (bao gồm 3.8% thuế trên đầu tư với cá nhân có thu nhập trên 200,000 USD).
- Chỉ số giá sản xuất tại Đức tăng 3.7% YoY, cao nhất trong hơn tám năm qua. Ngoại trừ ngành năng lượng, chỉ số giá sản xuất tăng 2.4% YoY.
- ECB nhóm họp hôm 22/4, tiếp tục giữ vững thông điệp duy trì nới lỏng chính sách điều hành, trước cuộc họp quan trọng trong tháng 6, với khả năng thay đổi định hướng chính sách.
- Tốc độ lây dịch Covid-19 tại các nước khu vực tăng mạnh trong những ngày gần đây, đạt 1.21, 1.11, 1.63, 1.65, 1.25, và 1.48, lần lượt tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, và Ấn Độ (Tham khảo phụ lục trang 12)

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Tổng cục Thống kê công bố báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4.
- VNIndex trong tuần tiếp theo nhiều khả năng sẽ vận động trong khu vực 1215-1265. VNIndex vẫn ở trong xu hướng tăng dài hạn tuy nhiên tiềm năng sẽ duy trì nhịp tích lũy trong ngắn hạn.
- Ngày 26/4: Nhóm họp thỏa thuận hạt nhân với Iran. Ngày 27/4: Chính sách tiền tệ NHTW Nhật. Ngày 28/4: OPEC+ nhóm họp, Chính sách tiền tệ NHTW Mỹ, Tổng thống Joe Biden phát biểu trước quốc hội Mỹ, Bán lẻ hàng hóa Nhật. Ngày 29/4: Báo cáo kinh tế - xã hội Việt Nam tháng 4/2021, Chỉ số giá tiêu dùng CPI Đức, Tỷ lệ thất nghiệp Đức, GDP Mỹ. Ngày 30/4: Chỉ số giá sản xuất Châu Âu, Tỷ lệ thất nghiệp Châu Âu, GDP Châu Âu, Tỷ lệ thất nghiệp Nhật, Sản lượng công nghiệp Nhật, PMI Nhật.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Nguồn: BSC Research



Nguồn: BSC Research



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
18/4/21	ADG	62.3	69	58.75	62	5	-0.48%	Có thể tiếp tục mua
18/4/21	HNG	12.2	13.5	10	11.6	5	-4.92%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
11/4/21	FTS	18.45	20.5	17	17.6	12	-4.61%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/4/21	SBS	8.5	11	6.9	8.2	19	-3.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/4/21	SSI	34.3	38	31.5	33	19	-3.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/3/21	CRE	31.5	36	27	34.7	26	10.16%	Có thể tiếp tục mua
21/3/21	CTG	40.45	49	36.5	41.3	33	2.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
21/3/21	VND	30.32	38.94	26.87	36.3	33	19.72%	Có thể tiếp tục mua
7/3/21	BFC	20.1	24.5	18.25	21.7	47	7.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/3/21	DCM	16.8	20	14.75	16.15	47	-3.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/21	GAS	89.3	100	83.5	86	54	-3.70%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
28/2/21	QNS	41.6	48	39	40.3	54	-3.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
21/2/21	MPC	36.5	43	31.5	35	61	-4.11%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/1/21	CKG	15.65	21	13.25	15.3	82	-2.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/1/21	MWG	132.7	155	122.25	147.5	82	11.15%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt

(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/4/21	HBC	19	23	18	SL	3	-5.26%
11/4/21	IDC	39.8	44	36.25	SL	5	-8.92%
11/4/21	IDI	7.54	8.3	6.7	SL	11	-11.14%
4/4/21	BVS	24.4	31.5	21	SL	19	-13.93%
4/4/21	MBS	25	31.5	21	SL	19	-16.00%
28/3/21	VIC	112.4	130.5	107	TP	15	16.10%
21/3/21	CMG	38.35	45.5	36.5	SL	3	-4.82%
21/3/21	HDB	27.15	32.5	25	SL	5	-7.92%
14/3/21	BWE	32.9	38.5	30.5	SL	10	-7.29%
14/3/21	C4G	11.9	15	10.5	SL	37	-11.76%
14/3/21	CTD	77.8	87	74	SL	10	-4.88%
14/3/21	PLP	11.25	12.5	9.75	SL	39	-13.33%
7/3/21	BCC	9.5	10.5	8.5	TP	3	10.53%
7/3/21	LIX	55.5	62	53.25	TP	4	11.71%
28/2/21	PLX	58.2	67	53.75	SL	26	-7.65%

Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

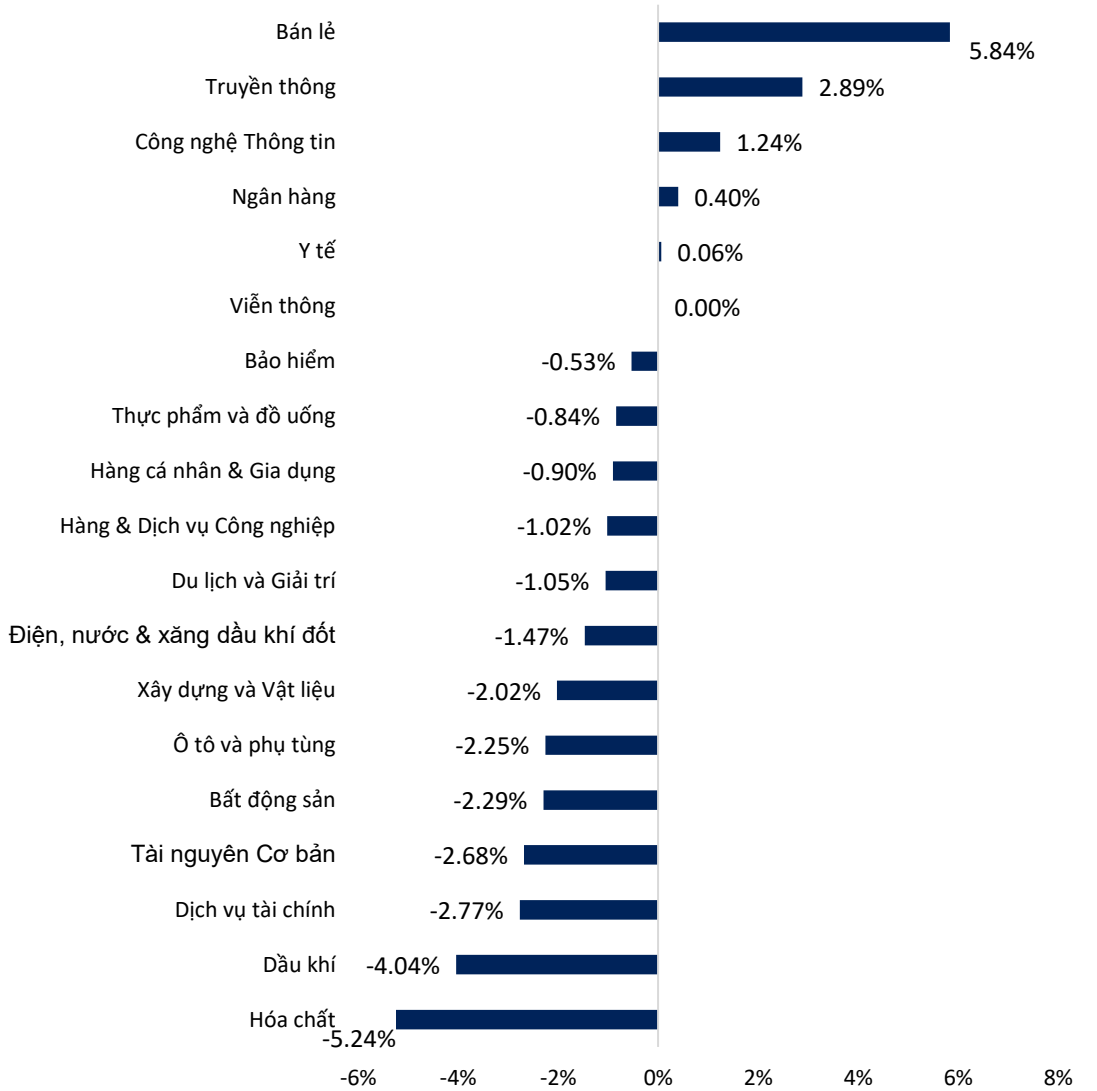
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	5	10	10.22%	-3.44%	1.12%	39
Đã chốt	93	72	14.33%	-8.63%	4.31%	27



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Bán lẻ	2.85%	5.84%	12.96%	MWG	10.07%	PNJ	5.61%
Truyền thông	1.41%	2.89%	-5.38%	YEG	13.64%	FOC	-5.69%
Công nghệ Thông tin	3.37%	1.24%	6.12%	FPT	4.14%	CMG	0.28%
Ngân hàng	2.35%	0.40%	9.38%	VCB	8.00%	VPB	4.19%
Y tế	0.22%	0.06%	-1.72%	DBD	-0.65%	PME	0.00%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	62.14	1.16%	-1.66%	1.60%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	66.11	1.09%	-0.99%	8.63%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	199.57	1.06%	-2.17%	0.41%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,777.20	-0.38%	0.04%	2.45%		PNJ
Bạc	USD/oz.	26.01	-0.54%	0.15%	3.63%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,516.00	0.12%	6.57%	6.69%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	712.25	0.25%	8.74%	15.11%		AFX
Sữa	USD/cwt	19.00	1.71%	-0.21%	10.47%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	237.10	0.64%	-0.25%		SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	16.88	0.00%	1.87%	11.20%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	138.50	1.73%	5.56%	6.83%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	9,551.50	1.60%	3.70%	4.86%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	5,248.00	0.69%	2.28%	12.11%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,364.50	0.06%	2.14%	4.07%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	1,097.00	0.50%	4.33%	26.53%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	85.50	-2.40%	-5.89%	-4.20%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	856.21	0.25%	3.41%	12.44%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	+8.00%	7.605
VHM	+3.96%	3.57
MWG	+10.07%	1.68
HPG	+3.30%	1.59
VNM	+2.68%	1.45
VPB	+4.19%	1.34
PDR	+10.56%	0.87
FPT	+4.14%	0.69
VIB	+4.51%	0.68
KDH	+12.42%	0.601
Tổng		20.067

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-3.29%	-4.232
GVR	-4.90%	-1.331
VRE	-3.39%	-0.713
CTG	-1.67%	-0.694
PLX	-3.41%	-0.62
SSB	-4.40%	-0.386
POW	-4.55%	-0.374
HVN	-2.58%	-0.302
OCB	-4.17%	-0.292
FLC	-10.47%	-0.274
Tổng		-9.218

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MWG	694.93	49.00
VIC	259.26	14.55
MSN	170.87	32.67
VCB	114.69	23.33
STB	94.35	10.46
GMD	58.73	37.74
PDR	41.84	2.72
E1VFN3	41.62	
HDB	41.58	17.02
HCM	38.13	47.04
Tổng	1,556.00	

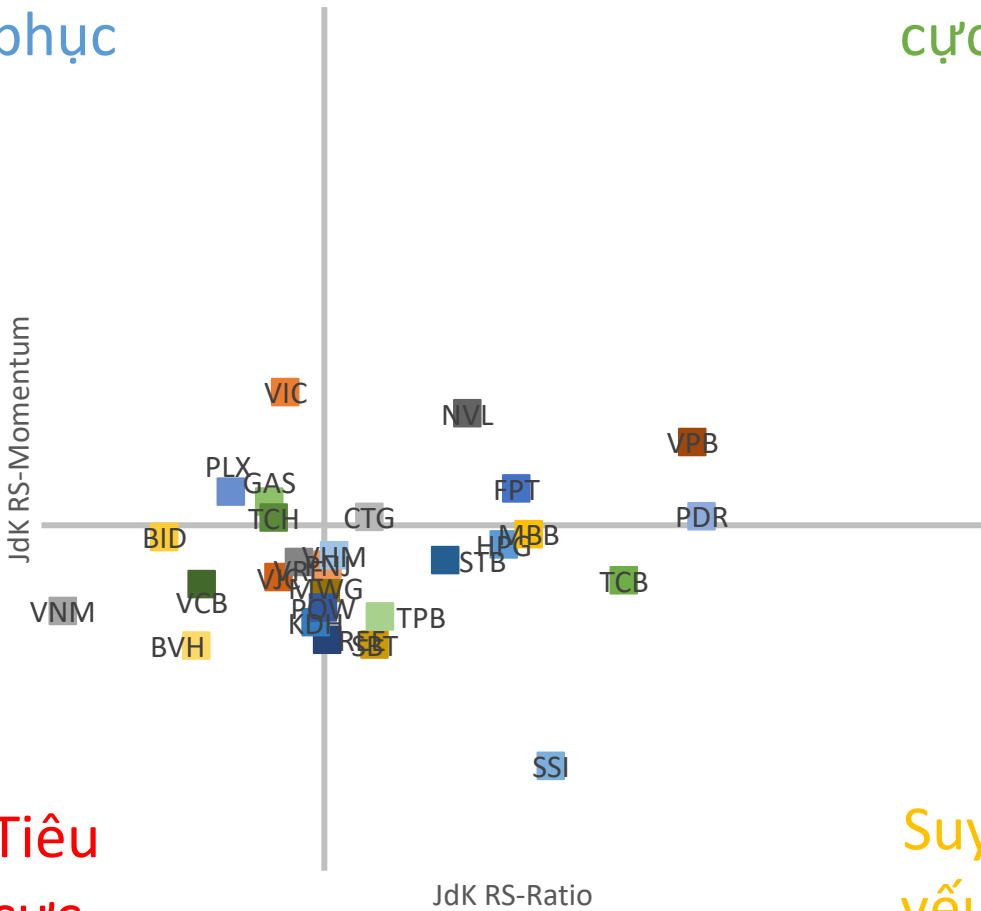
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	-464.10	22.54
HPG	-446.84	30.38
VPB	-403.25	23.37
VNM	-272.99	55.61
VRE	-212.45	30.56
CTG	-127.74	26.15
VSC	-122.53	23.34
KDH	-109.70	32.94
PLX	-82.04	16.23
MBB	-66.89	22.98
Tổng	-2308.52	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
VPB	119.52	102.40	40.88%
PDR	120.02	100.26	54.75%
FPT	110.19	101.06	26.52%
NVL	107.59	103.23	40.97%
CTG	102.40	100.23	35.41%
VIC	97.94	103.84	39.13%
GAS	97.09	100.68	12.71%
TCH	97.34	100.21	-12.03%
PLX	95.06	100.97	4.08%
TCB	115.90	98.40	11.88%
MBB	110.85	99.74	17.44%
HPG	109.53	99.43	27.60%
SSI	112.02	93.03	-4.49%
STB	106.44	98.98	12.25%
HDB	101.85	99.05	20.63%
TPB	102.96	97.36	12.22%
VHM	100.53	99.12	6.06%
SBT	102.68	96.54	-15.00%
PNJ	100.18	98.85	16.64%
MWG	100.09	98.18	11.15%
REE	100.17	96.68	2.55%
VRE	98.67	98.92	-10.38%
POW	99.95	97.61	-12.20%
KDH	99.56	97.19	6.97%
VJC	97.59	98.49	-1.15%
MSN	96.48	95.94	16.96%
VCB	93.51	98.29	11.83%
BID	91.54	99.65	5.26%
BVH	93.23	96.51	4.42%
VNM	86.14	97.51	-3.21%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	3,425.99	8,868.13	33,722.68
Giá trị bán	3,088.12	9,944.83	35,090.58
Mua / bán ròng	337.87	-1,076.69	-1,367.91
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	946.46	2,718.32	8,480.82
Giá trị bán	861.16	2,233.37	9,254.81
Mua / bán ròng	85.30	484.96	-773.99
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
VGC	237.60	MWG	-178.20
VIC	155.24	HPG	-63.26
NVL	105.94	E1VFN30	-49.02
VPB	76.66	GVR	-43.81
TCB	43.70	PLX	-26.76
PNJ	41.57	VCI	-25.09
FPT	40.23	CTG	-19.57
MBB	36.70	VRE	-18.45
POM	30.44	NKG	-16.35
VNM	28.29	SBT	-11.65

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	526.53	19.47	0.00	0.69%	0.00	1.84	9.00
FTSE	461.24	42.22	-0.03	-0.74%	-2.83	10.83	21.58
iShare	452.69	31.22	0.00	-0.83%	0.00	-1.51	-1.49
E1VFN30	352.55	0.92	-1.16	1.73%	-22.5	-18.2	-35.1
FUEVFN30	452.12	0.89	1.01	0.92%	11.3	44.0	172.1
FUESSVFL	99.25	0.74	0.00	-0.09%	9.7	8.5	35.0
FUESSVN30	3.61	0.71	0.30	0.18%	-0.3	-0.3	-0.1
FUEMAVN30	21.72	0.67	0.00	-1.66%	0.0	1.8	9.5
VN100	3.66	0.73	0.00	0.70%	0.0	-0.7	-0.7
KIM	179.40	16.77	0.00	-0.89%	0.00	-12.61	-40.67
PREMIA	30.45	12.90	0.00	-0.16%	0.00	-0.47	-3.00

Nhận định: ETF E1 giảm quy mô trong khi Diamond, SSVN30 tăng quy mô. Các ETFs khác cân bằng và duy trì quy mô hiện tại. Khối ngoại bán ròng ở hầu hết các nước khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



CẬP NHẬT i-BROKER

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
DCM 2021Q2	1/4/21	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 21100; Giá tại Publish 17450 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST năm 2021 lần lượt đạt 9,493 tỷ đồng (+23.5% YoY) và 888 tỷ đồng (+34.3% YoY). EPS fwd = 1,366 đồng và P/E fwd= 13x, P/B fwd =1.4x Luận điểm đầu tư: Biên lợi nhuận gộp được cải thiện nhờ vào kỳ vọng giá bán tăng nhanh hơn mức tăng giá của nguyên liệu đầu vào - Do giá dầu tăng cao và duy trì tín hiệu tích cực từ nhu cầu phân bón trong 2021: (1) Dự kiến nhà máy đạm Cà Mau sẽ gần như hết khấu hao vào năm 2024, cải thiện lợi nhuận ròng (+125.9% YoY) của công ty. (2) Kỳ vọng vào khoản hoàn thuế khi luật thuế được sửa đổi vào năm 2021.
Express AGG 2021Q1	31/3/21	Khuyến nghị THEO DÕI. Luận điểm đầu tư: Chúng tôi đưa ra khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu AGG và đưa ra giá mục tiêu 38.000 đồng/cp (-10% so với mức giá đóng cửa ngày 01/04/2021) dựa trên phương pháp RNAV và một số giả định sau: (1) Các dự án BD 30, chúng tôi tạm thời không đưa vào định giá do đang trong quá trình đàm phán, (2) Đánh giá lại triển vọng mảng môi giới với kỳ vọng mức phục hồi về trước dịch Covid-19, (3) Đưa ra mức chiết khấu WACC dự án ở mức 13%,(4) Đưa ra mức chiết khấu rủi ro về tính thanh khoản và tốc độ phát triển dự án là 10% (5) Các dự án hiện đang vướng thủ tục pháp lý như BC 27 dự kiến sẽ được phát triển từ năm 2022.
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Khuyến nghị NẮM GIỮ Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021: (1) doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ, (2) ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh, (3) Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng).
Express TNH 2021Q1	9/3/21	Khuyến nghị NẮM GIỮ Dự báo KQKD: Chiến lược phát triển năm 2021: (1) Đối với bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên: thành lập 2 bệnh viện chuyên khoa (Sản nhi và Mắt), (2) Đối với bệnh viện Yên Bình: mở rộng giai đoạn 2 lên 300 giường đăng ký (gấp đôi công suất), (3) Nhu cầu vốn tài chính trong giai đoạn tới ~650 tỷ trong năm 2021, (4) Nguồn vốn đến từ: (i) 40% từ Hoạt động kinh doanh hiện có (110 tỷ lợi nhuận/năm) và (ii) 60% vốn vay ngân hàng: có lãi suất ưu đãi, (5) Không có kế hoạch phát hành trái phiếu, esop trong năm 2021.
PET 2021Q1	2/3/21	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 21170; Giá tại Publish 17700 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST lần lượt đạt 17,875 tỷ đồng (+28.5% YoY) và 174 tỷ đồng (+28.3% YoY). EPS fw = 2,007 đồng và P/E fw=8.8, P/B fw =1. Luận điểm đầu tư: (1) Động lực tăng trưởng của mảng Phân phối - Điện tử chủ yếu đến từ dòng Iphone; (2) Mảng phân phối – Nguyên liệu dầu khí và Mảng cung ứng và hậu cần dự kiến sẽ phục hồi khi giá dầu có dấu hiệu tăng trở lại ; (3)Yếu tố cần chú ý: Đa dạng hóa theo chiều ngang các ngành hàng. Rủi ro Đầu tư: (1) Dư địa tăng trưởng của các nhãn hàng hiện tại bão hòa; (2) Không kí thêm được các nhãn hàng mới.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Hướng dẫn sử dụng [Link](#)

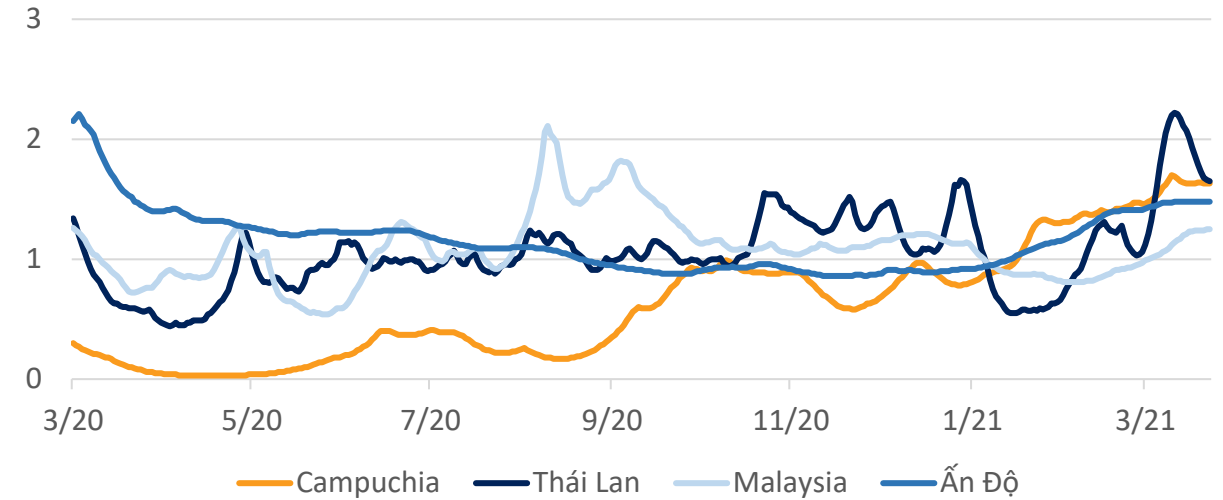
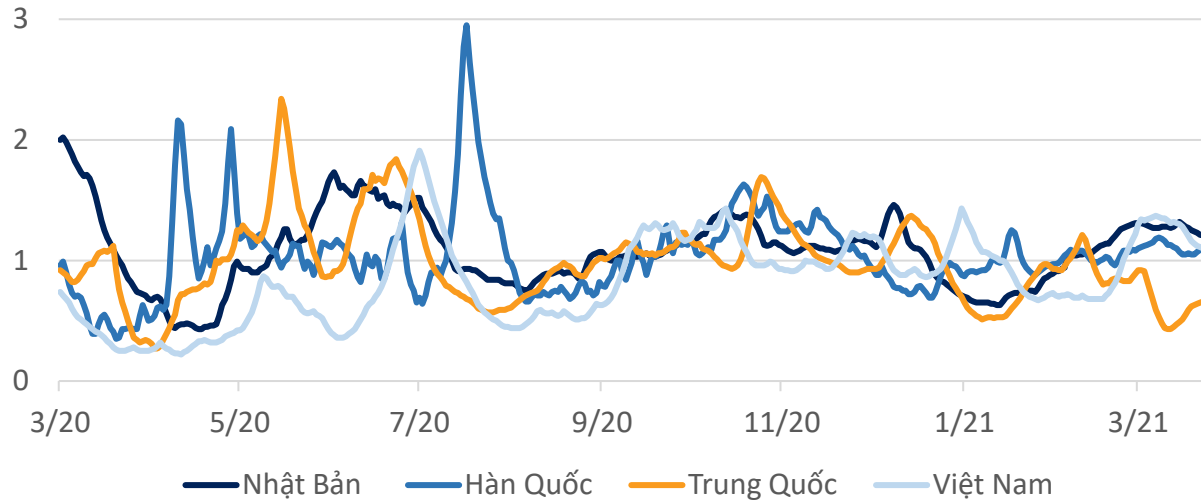
Room tư vấn Skype

Room tư vấn Zalo

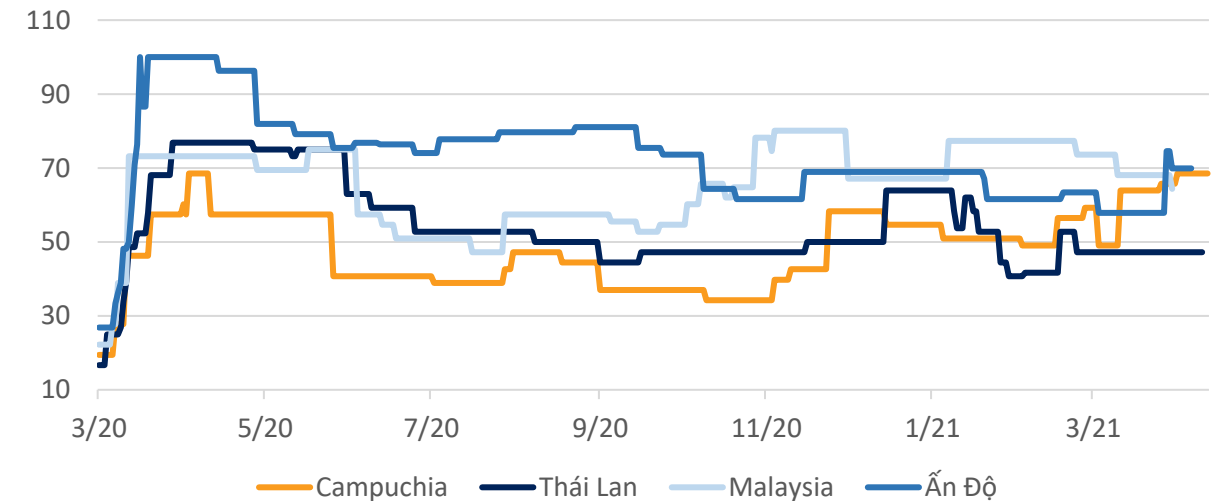
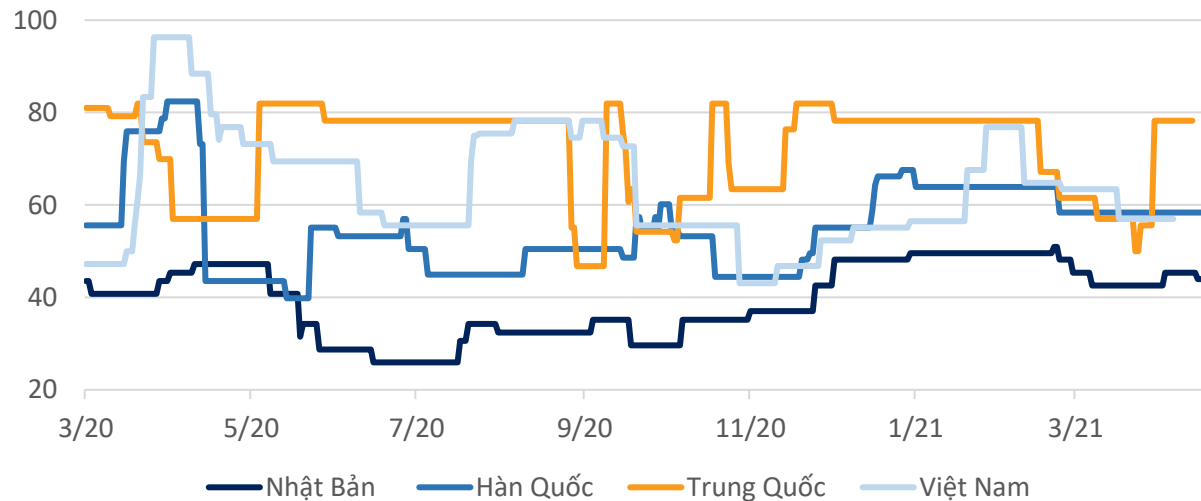


Phụ lục: *Tình hình dịch bệnh tại các nước khu vực*

TỐC ĐỘ LÂY (<1 PHẢN ÁNH KHẢ NĂNG KIỂM SOÁT)



ĐỘ CỨNG RẮN TRONG BIỆN PHÁP GIÃN CÁCH (GIÁ TRỊ LỚN THỂ HIỆN NGHIÊM NGẶT CAO)



Phụ lục: *ETF VNDiamond quý II năm 2021*

Dựa vào công bố của HoSE, các quỹ ETF như VFM VN30 ETF, VFM VNDiamond ETF, SSIAM VN30 ETF, SSIAM VNFinLead ETF, MAFM VN30 ETF...sẽ thực hiện cơ cấu danh mục và hoàn tất vào ngày 29/4/2021.

Mã KDH đã bị loại ra khỏi danh mục VNDiamond trong kỳ cơ cấu tháng 4/2021. Ở chiều ngược lại, TCM và 5 cổ phiếu ngân hàng gồm VIB, EIB, ACB, MSB và LPB là những cái tên được thêm mới, qua đó nâng số lượng cổ phiếu trong rổ VNDiamond lên thành con số 19.

STT	MÃ	Ngành	Tỷ trọng cũ	Tỷ trọng mới	Giá 31/3	Thay đổi	Giá trị thay đổi (tỷ đồng)	Lượng CP mua bán
1	MWG	Bán lẻ	15.1%	15.0%	129.7	-0.07%	(6.86)	(52,892.00)
2	FPT	Công nghệ thông tin	16.4%	15.0%	77.7	-1.44%	(141.12)	(1,816,217.00)
3	CTG	Ngân hàng	4.7%	8.5%	40.15	3.81%	373.56	9,304,132.00
4	PNJ	Hàng cá nhân & Gia	8.7%	8.5%	84.5	-0.27%	(26.79)	(316,988.00)
5	TCB	Ngân hàng	10.8%	8.1%	40.4	-2.72%	(266.34)	(6,592,585.00)
6	REE	Hàng & Dịch vụ	4.0%	7.2%	52.6	3.17%	310.21	5,897,464.00
7	VPB	Ngân hàng	11.7%	6.2%	44.65	-5.50%	(538.94)	(12,070,349.00)
8	GMD	Hàng & Dịch vụ	4.7%	4.5%	33.85	-0.20%	(19.56)	(577,818.00)
9	MBB	Ngân hàng	10.0%	4.5%	28.15	-5.46%	(535.49)	(19,022,733.00)
10	NLG	Bất động sản	3.0%	4.2%	35	1.24%	121.60	3,474,149.00
11	ACB	Ngân hàng	0.0%	4.1%	33.3	4.10%	401.64	12,061,215.00
12	TCM	Hàng cá nhân & Gia	0.0%	3.3%	120	3.27%	320.77	2,673,064.00
13	VIB	Ngân hàng	0.0%	3.1%	48.4	3.06%	299.61	6,190,239.00
14	CTD	Xây dựng và Vật	1.6%	2.4%	72.9	0.83%	81.69	1,120,644.00
15	TPB	Ngân hàng	3.6%	1.6%	27.85	-1.92%	(188.56)	(6,770,606.00)
16	MSB	Ngân hàng	0.0%	1.4%	21.85	1.44%	141.06	6,455,909.00
17	EIB	Ngân hàng	0.0%	1.4%	20.1	1.41%	137.89	6,860,075.00
18	LPB	Ngân hàng	0.0%	1.1%	17.35	1.06%	104.04	5,996,345.00
19	KDH	Bất động sản	5.8%	0.0%	30.45	-5.80%	(568.40)	(18,666,667.00)

Phụ lục: *ETF VNFinLead quý II năm 2021*

Đối với VNFinLead, rổ chỉ số đã loại bỏ VND trong kỳ review này do VND đã tạm chuyển giao dịch sang HNX để giảm tải cho HOSE. Kéo theo đó, số lượng cổ phiếu trong rổ VNFinLead sau kỳ review giảm xuống còn số 14.

STT	MÃ	Tỷ trọng cũ	Tỷ trọng mới	Giá 31/3	Thay đổi	Giá trị thay đổi (tỷ đồng)	Lượng CP mua bán
1	VCB	11.8%	15.0%	94.8	3.20%	62.82	662,616.00
2	BID	1.2%	15.0%	42.95	13.80%	270.89	6,307,194.00
3	CTG	12.0%	15.0%	40.15	2.98%	58.55	1,458,306.00
4	TCB	16.1%	14.2%	40.4	-1.91%	(37.47)	(927,409.00)
5	VPB	17.5%	11.0%	44.65	-6.52%	(127.89)	(2,864,337.00)
6	MBB	15.5%	7.9%	28.15	-7.60%	(149.27)	(5,302,521.00)
7	BVH	0.5%	4.4%	59.6	3.93%	77.23	1,295,740.00
8	HDB	4.8%	4.2%	26.4	-0.58%	(11.45)	(433,565.00)
9	STB	13.5%	3.9%	21.45	-9.62%	(188.89)	(8,806,097.00)
10	TPB	1.1%	2.9%	27.85	1.78%	34.93	1,254,313.00
11	EIB	1.3%	2.5%	20.1	1.18%	23.10	1,149,144.00
12	SSI	3.4%	2.1%	31.75	-1.34%	(26.40)	(831,439.00)
13	VCI	0.5%	1.1%	63.9	0.56%	11.00	172,196.00
14	HCM	0.6%	0.9%	30.9	0.34%	6.77	218,964.00

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

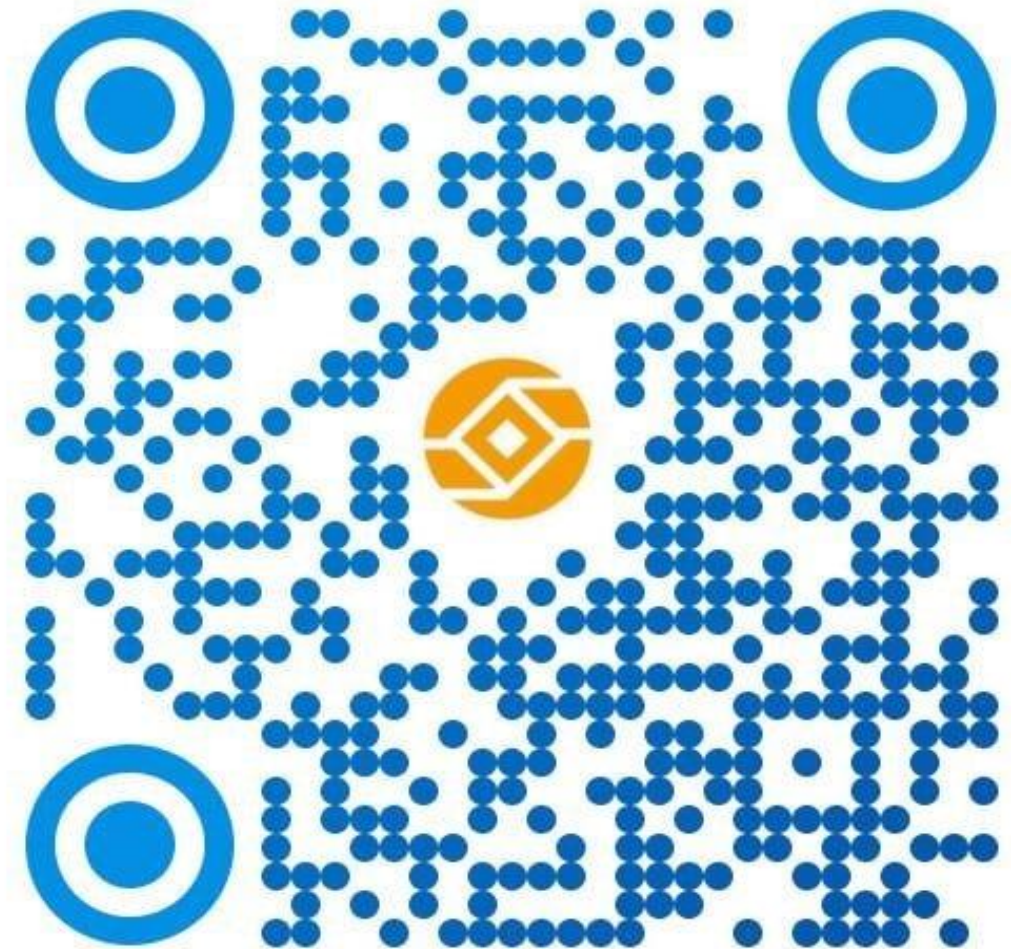
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký